

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 21/2020/DS-PT

Ngày 21-01-2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền và bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2020/TLPT-DS ngày 12/11/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 284/2020/QĐ-PT ngày 21/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐ-PT ngày 11/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh P- Có mặt
Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn T
Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lương Thị L- Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim C
Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim C: Ông Từ Thế Anh H- Có mặt (theo văn bản uỷ quyền ngày 11/11/2020)

Địa chỉ: Số 306, đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim C: Luật sư Nguyễn Tiến T- Văn phòng Luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk- Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Huỳnh P trình bày: Ngày 19/5/2012 âm lịch (tức là ngày 07/7/2012 dương lịch) ông Nguyễn Văn T vay ông 10.000.000đ; Ngày 23/7/2012 âm lịch (tức là ngày 08/9/2012 dương lịch) ông T vay ông 10.000.000đ; Tổng cộng 20.000.000đ; lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận là 4%/ tháng; Thời hạn trả tiền vay vào cuối năm 2012 âm lịch. Ngoài ra, trong năm 2012 ông T còn vay cà phê của ông nhiều lần, tổng cộng 1.375kg cà phê nhân xô, cụ thể: Ngày 30/4/2012, ông T vay ông 500kg cà phê; Ngày 09/5/2012 âm lịch (ngày 27/6/2012 dương lịch), ông T vay ông 250kg cà phê; Ngày 12/5/2012 âm lịch (ngày 30/6/2012 dương lịch), ông T vay ông 250kg cà phê; Ngày 26/6/2012 âm lịch (ngày 13/8/2012 dương lịch), ông T vay ông 250kg cà phê; Ngày 30/7/2012, ông T vay ông 125kg cà phê. Lãi suất cho vay cà phê là 2tạ cà phê/tân cà phê. Thời hạn trả cà phê là cuối năm 2012 âm lịch.

Kể từ ngày vay tiền và cà phê, ông T chưa trả cho ông khoản tiền nợ gốc đã vay, tiền lãi suất và cà phê đã vay. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông 20.000.000đ tiền nợ gốc đã vay, tiền lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật và 1.375kg cà phê nhân xô; Ông không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản cà phê đã cho vay.

Sau khi trao đổi với vợ ông là bà Lương Thị L, ông thừa nhận trong năm 2012, ông T đã trả cho ông 600kg cà phê nhân xô; Ngày 25/8/2020, ông rút yêu cầu khởi kiện đối với 600kg cà phê ông T đã trả, yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả cho ông 775kg cà phê. Tại phiên tòa sơ thẩm ông xin rút yêu cầu khởi kiện đối với 250kg cà phê mà ông T đã vay ông vào ngày 12/5/2012 âm lịch, do ông T cho rằng ông điền thêm vào giấy vay cà phê, yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả cho ông 525kg cà phê nhân xô.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Trong năm 2012, ông có vay tiền của ông Huỳnh P 02 lần, tổng cộng 20.000.000đ và vay cà phê của ông P 04 lần, tổng cộng 1.125kg cà phê nhân xô, để chi tiêu trong gia đình và nuôi các con ăn học. Tuy nhiên, trong năm 2012, ông đã trả cho ông P đủ số tiền đã vay, tiền lãi và cà phê; Hiện tại, ông không còn nợ ông P khoản vay nào. Do tin tưởng ông P, nên mỗi lần trả tiền vay, tiền lãi và cà phê, ông không yêu cầu ông P viết giấy biên nhận, cũng không lấy lại giấy tờ đã vay; Có một lần ông trả nợ cho ông P 600kg cà phê, có sự chứng kiến của bà Lê Bạch P1. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn T, bà đồng ý với lời trình bày của ông T.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị L trình bày: Bà là vợ ông Huỳnh P, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của TAND huyện

Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho ông bà Huỳnh P và Lương Thị L số tiền nợ là 35.091.250đ, trong đó tiền gốc 20.000.000đ, tiền lãi 15.091.250đ và 525kg cà phê nhân xô quy chuẩn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện, mà ông Huỳnh P đã rút; quyết định về lãi suất chậm trả tiền trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2020, bị đơn là ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với lý do: Vợ chồng ông đã đủ cho ông P toàn bộ số tiền và cà phê đã vay, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn T, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Ông T thừa nhận trong năm 2012, ông có vay tiền ông Huỳnh P hai lần, tổng cộng 20.000.000đ và vay cà phê ông P 04, lần tổng cộng 1.125kg cà phê nhân xô; Ông T cho rằng đã trả đầy đủ cho ông P 20.000.000đ và 1.125kg cà phê đã vay nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là đã trả đầy đủ; Ông P chỉ thừa nhận ông T đã trả 600kg cà phê; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho ông Huỳnh P và bà Lương Thị L 20.000.000đ tiền nợ gốc đã vay, tiền lãi suất và 525kg cà phê nhân xô, là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn T còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình tham gia giải quyết vụ án, ông T thừa nhận vào ngày 07/7/2012, ông có vay ông Huỳnh P 10.000.000đ; Ngày 08/9/2012, ông có vay ông P 10.000.000đ, tổng cộng 20.000.000đ; Trong thời gian từ ngày 30/4/2012 đến 30/7/2012, ông vay cà phê ông P 04 lần, tổng cộng 1.125kg cà phê nhân xô; Ông T cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền, vay cà phê là của ông; Tuy

nhiên, ông T cho rằng đã trả cho ông P đủ 20.000.000đ và 1.125kg cà phê đã vay, cũng như tiền lãi suất nhưng ông T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả cho ông P số tiền và cà phê nêu trên; Ông P chỉ thừa nhận ông T đã trả 600kg cà phê. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho vợ chồng ông Huỳnh P, bà Lương Thị L 525kg cà phê nhân xô và 20.000.000đ đã vay, tiền lãi suất là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3] Tuy nhiên, về lãi suất đối khoản tiền tiền vay 10.000.000đ vào ngày 07/7/2012, Toà án cấp sơ thẩm xác định các bên thoả thuận lãi suất 4%, từ đó áp dụng khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005 để tính lãi suất 1,125%/tháng là không đúng. Bởi lẽ, căn cứ vào giấy vay tiền, các bên thoả thuận lãi suất 0,4%/tháng; Ông P thừa nhận đã sửa chữa lại lãi suất trên giấy vay tiền để khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất đối với khoản tiền vay nêu trên, theo mức lãi suất các bên thoả thuận 0,4%/tháng.

Khoản tiền lãi suất trong hạn tính từ ngày 07/7/2012 đến ngày 29/12/2012 âm lịch (tức ngày 09/02/2013) là 07 tháng 02 ngày x 0,4%/tháng x 10.000.000đ = 282.667đ. Khoản tiền lãi suất quá hạn tính từ ngày 10/02/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2020 là 91 tháng 16 ngày x 0,75%/tháng x 10.000.000đ = 6.865.000đ; Tổng số tiền lãi là 7.147.667đ.

Đối với khoản tiền vay 10.000.000đ vào ngày 23/7/2012 âm lịch (tức ngày 08/9/2012 dương lịch), theo giấy vay tiền các bên thoả thuận lãi suất 04%/tháng. Toà án cấp sơ thẩm đã tính lãi suất theo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần giữ nguyên.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Kim C phải chịu 2.574.196đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T; Bà Châu phải chịu 1.287.097đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn T; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 52/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của TAND huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh P.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim C, phải trả cho ông Huỳnh P và bà Lương Thị L 20.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay, 14.587.917 đồng tiền lãi suất, tổng cộng là 34.578.917 đồng và 525kg cà phê nhân xô quy chuẩn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thoả thuận là 0,4%/tháng đối với khoản tiền vay ngày 07/7/2012 và 1,125%/tháng đối với khoản tiền vay ngày 08/9/2012.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 1.287.097 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T; Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0012089 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Huân